

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 24-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Vinh.

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án thuộc Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2024/TLST-HS, ngày 25 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Hường Thị Minh H, sinh năm 1970 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi thường trú: Tổ dân phố 15, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nơi ở hiện tại: Buôn M, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hường P (đã chết) và con bà Lê Thị D (đã chết); có chồng là Trần Văn M, sinh năm 1970 (đã ly hôn) và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/12/2005 bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử 04 tháng 25 ngày tù giam và được tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa, khấu trừ thời hạn tạm giam về tội “Đánh bạc” (đã xóa án tích); Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, từ ngày 23/9/2024 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Võ Thị H sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Lê Thị L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 3, xã Hòa T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Trương Thị Thu T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Trương Thị Kim O, sinh năm 1976. Địa chỉ: Buôn R, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
6. Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
7. Bùi Thị Ánh L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 1A, xã Hòa T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
8. Nguyễn Thị T (Mạnh), sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
9. Phạm Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn Tân Đức, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
10. Nguyễn Thị X, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
11. Mai Hữu Q, sinh năm 1955. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
12. Phan Thị Ánh M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
13. Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
14. Vương Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Buôn R, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
15. Đỗ Thị C, sinh năm 1958. Địa chỉ: Buôn M, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
16. Trần Thị Phước, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
17. Trần Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Buôn Đắk Rơ Leng 1, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
18. Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố 16, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
20. Trần Thị Lý, sinh năm 1978. Địa chỉ: Buôn R, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
21. Trần Thị L, sinh năm 1968. Địa chỉ: Buôn M, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
22. Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ dân phố 16, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
23. Nguyễn Quang Hà, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
24. Mai Văn Hòa, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 26/11/2023 đến 23/8/2024, tại căn nhà thuộc Buôn M, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (do bị cáo Hoàng Thị Minh H thuê lại của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H), bị cáo H đã thực hiện hành vi cho vay tiền trả góp, hình thức trả

gốc theo ngày được chia đều trong thời hạn 60 ngày với lãi suất 121,67%/ năm, tiền lãi đóng theo ngày. Bị cáo theo dõi khoản vay bằng cách viết tên người vay, số tiền vay, số tiền phải trả hàng ngày và số ngày trả vào một cuốn vở, hàng ngày khi người vay trả tiền thì đánh dấu “X”, chưa trả thì đánh dấu “O”. Thường thì người vay đến gặp bị cáo để trả trực tiếp nếu không thì bị cáo sẽ dùng điện thoại hiệu NOKIA, màu đen có sim số 0979.723.393 của bị cáo liên lạc và dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 47K1-387.62 để đến chỗ người vay thu tiền.

Bằng cách thức trên bị cáo đã cho 31 người vay với tổng số tiền 1.816.500.000 đồng, trong đó có 174.500.000 đồng không tính lãi, 1.642.000.000 đồng cho vay với lãi suất 121,67%/ năm (gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền thu lợi bất chính (là tiền lãi vượt quá mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) mà những người vay phải trả cho bị cáo là 242.488.927 đồng trong đó bị cáo đã thu được 207.720.320 đồng. Cụ thể như sau:

1. Từ ngày 09/12/2023 đến 07/08/2024 bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố 9, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 10 lần với tổng số tiền 380.000.000 đồng, trong đó có 1 lần cho vay số tiền 30.000.000 đồng không tính lãi còn lại số tiền 350.000.000 đồng thì bị cáo tính lãi với mức 121,67%/ năm. Bà D đã trả cho bị cáo H 330.500.000 đồng tiền gốc còn nợ lại 19.500.000 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 34.154.000 đồng tiền lãi, trong đó 5.659.479 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 28.494.521 đồng.

2. Từ ngày 26/11/2023 đến 19/01/2024 bị cáo đã cho bà Võ Thị H (Út xuka), sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 10 lần (trong đó 1 lần lấy tên Ty) với tổng số tiền 85.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà H đã trả toàn bộ tiền vay gốc và 17.654.754 đồng tiền lãi cho bị cáo H, trong đó 2.820.458 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 14.834.296 đồng.

3. Từ ngày 27/11/2023 đến 14/8/2024 bị cáo đã cho bà Lê Thị L, sinh năm 1969 trú tại Thôn 3, Hòa T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 09 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà L đã trả cho bị cáo H 83.500.000 đồng tiền gốc còn nợ lại 16.500.000 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 18.169.441 đồng tiền lãi, trong đó 2.879.893 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 15.289.548 đồng.

4. Từ ngày 27/11/2023 đến 10/7/2024 bị cáo đã cho bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố 2, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 7 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà T đã trả cho bị cáo H 19.458.333 đồng tiền gốc còn nợ lại 541.667 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 4.091.667 đồng tiền lãi, trong đó 839.728 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 3.251.939 đồng.

5. Từ ngày 27/11/2023 đến 10/7/2024 bị cáo đã cho bà Trương Thị Kim O (Gái), sinh năm 1976, trú tại Roang Đông, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 10 lần với tổng số tiền 75.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà O đã trả cho bị cáo H 71.166.667 đồng tiền gốc còn nợ lại 3.833.333 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng

14.233.334 đồng tiền lãi, trong đó 2.339.728 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 11.893.606 đồng.

6. Ngày 30/11/2023 bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị L (Hương Cau), sinh năm 1972, trú tại tổ dân phố 12, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 2.500.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà L đã trả cho bị cáo H 958.333 đồng tiền gốc còn nợ lại 1.541.667 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 191.667 đồng tiền lãi, trong đó 31.507 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 160.160 đồng.

7. Từ ngày 01/01/2024 đến 07/8/2024 bị cáo đã cho bà Bùi Thị Ánh L (Lan Quế), sinh năm 1969, trú tại thôn 1A, xã Hòa T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 04 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà L đã trả cho bị cáo H 32.500.000 đồng tiền gốc còn nợ lại 7.500.000 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 6.500.000 đồng tiền lãi, trong đó 1.068.493 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 5.431.507 đồng.

8. Từ ngày 12/12/2023 đến 01/8/2024 bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị T (Mạnh), sinh năm 1963, trú tại Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 06 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà T đã trả cho bị cáo H 24.583.333 đồng tiền gốc còn nợ lại 5.416.667 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 4.916.667 đồng tiền lãi, trong đó 808.221 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 4.108.446 đồng.

9. Ngày 20/12/2023 và ngày 19/7/2024 bị cáo đã cho bà Phạm Thị H, sinh năm 1984, trú tại thôn Đức Tân, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay với tổng số tiền 12.500.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà H đã trả cho bị cáo H 8.333.333 đồng tiền gốc còn nợ lại 4.166.667 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 1.666.667 đồng tiền lãi, trong đó 273.973 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 1.666.667 đồng.

10. Từ ngày 25/12/2023 đến 01/8/2024 bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, vay 04 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà X đã trả cho bị cáo H 35.208.333 đồng tiền gốc còn nợ lại 4.791.667 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 7.041.303 đồng tiền lãi, trong đó 1.157.171 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 5.884.132 đồng.

11. Ngày 24/12/2023 bị cáo cho ông Mai Hữu Q, sinh năm 1955, trú tại Tổ dân phố 7, TT Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 20.000.000 đồng không tính lãi. Ông Q đã trả đủ khoản tiền trên.

12. Từ ngày 26/12/2023 đến 08/8/2024 bị cáo đã cho bà Phan Thị Ánh M, sinh năm 1981, trú tại Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 15 lần với tổng số tiền 120.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà M đã trả cho bị cáo H 102.416.667 đồng tiền gốc còn nợ lại 17.583.333 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 20.483.334 đồng tiền lãi, trong đó 3.367.125 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 17.116.209 đồng.

13. Từ ngày 22/01/2024 đến 17/8/2024 bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm 1966, trú tại Tổ dân phố 2, TT Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

vay 12 lần với tổng số tiền 53.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà Ng đã trả cho bị cáo H 44.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại 9.000.000 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 8.800.001 đồng tiền lãi, trong đó 1.446.579 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 7.353.422 đồng.

14. Từ ngày 13/3/2024 đến 23/8/2024 bị cáo đã cho bà Vương Thị T, sinh năm 1967, trú tại Buôn R, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, vay 08 lần với tổng số tiền 30.500.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà Thơ đã trả cho bị cáo H 24.041.667 đồng tiền gốc còn nợ lại 6.458.333 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 4.808.333 đồng tiền lãi, trong đó 790.412 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 4.017.921 đồng.

15. Ngày 15/3/2024 và ngày 06/4/2024 bị cáo đã cho bà Đỗ Thị C, sinh năm 1958, trú tại Buôn M, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay tổng số tiền 3.500.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà C đã trả cho bị cáo H toàn bộ tiền gốc và 700.000 đồng tiền lãi, trong đó 115.069 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 584.931 đồng.

16. Ngày 20/4/2024 và ngày 08/6/2024 bị cáo đã cho bà Trần Thị P, sinh năm 1990, trú tại Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay tổng số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà P đã trả cho bị cáo H toàn bộ tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 657.534 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 3.342.466 đồng.

17. Ngày 31/5/2024 và ngày 28/7/2024 bị cáo đã cho bà Trần Thị T, sinh năm 1972, trú tại Buôn Đắk Rơ Leang 1, xã Ea Uy, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk vay tổng số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà T đã trả cho bị cáo H 14.166.667 đồng tiền gốc, còn nợ lại 5.833.333 đồng. Bị cáo H đã thu 2.833.333 đồng tiền lãi, trong đó 465.753 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 2.833.333 đồng.

18. Từ ngày 27/6/2024 đến 14/8/2024 bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị H (Hoa Danh), sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố 16, TT Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk vay 03 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà H đã trả cho bị cáo H 24.333.333 đồng tiền gốc còn nợ lại 15.666.667 đồng. Bị cáo đã thu tổng cộng 4.866.666 đồng tiền lãi, trong đó 800.000 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 4.066.666 đồng.

19. Từ ngày 28/6/2024 đến ngày 09/8/2024 bị cáo đã cho bà Trần Thị T (Hà Khải), sinh năm 1978, trú tại Buôn R, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 3 lần với tổng số tiền 85.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà T đã trả cho bị cáo H 43.666.667 đồng tiền gốc, còn nợ lại 41.333.333 đồng. Bị cáo H đã thu 8.733.333 đồng tiền lãi, trong đó 1.435.616 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 7.297.717 đồng.

20. Từ ngày 09/12/2023 đến ngày 05/5/2024 bị cáo đã cho bà Trần Thị L, sinh năm 1968, trú tại Buôn M, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 07 lần với tổng số tiền 55.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà L đã trả cho bị cáo H 45.750.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 9.250.000 đồng. Bị cáo H đã thu 9.150.000

đồng tiền lãi, trong đó 1.504.110 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 7.645.890 đồng.

21. Từ ngày 20/01/2024 đến ngày 05/5/2024 bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1982, trú tại Thôn 1A, xã Hòa T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 09 lần với tổng số tiền 360.000.000 đồng trong đó có 65.000.000 đồng cho vay không tính lãi, còn lại 295.000.000 đồng cho vay với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà L đã trả cho bị cáo H 259.667.667 đồng tiền gốc, còn nợ lại 100.000.000 đồng trong đó có 59.500.000 đồng là khoản nợ không tính lãi. Bị cáo H đã thu 50.833.333 đồng tiền lãi, trong đó 8.356.167 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 42.477.166 đồng.

22. Ngày 01/6/2024 và ngày 15/6/2024 bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị Minh P (Minh hô), sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay tổng số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà P đã trả cho bị cáo H 4.083.334 đồng tiền gốc, còn nợ lại 5.916.666 đồng. Bị cáo H đã thu 816.631 đồng tiền lãi, trong đó 134.211 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 682.420 đồng.

23. Ngày 18/06/2024 bị cáo đã cho bà Hồng Hòa A (không xác định được nhân thân) vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà Hồng Hòa A đã trả toàn bộ tiền vay gốc cho bị cáo H và 1.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 164.384 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

24. Ngày 23/06/2024 bị cáo đã cho bà Hồng E (không xác định được nhân thân) vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà Hồng E đã trả toàn bộ tiền vay gốc cho bị cáo H và 1.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 164.384 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

25. Ngày 23/06/2024 bị cáo đã cho bà Quyên (không xác định được nhân thân) vay 10.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bà Quyên đã trả toàn bộ tiền vay gốc cho bị cáo H và 2.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 328.767 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

26. Ngày 28/01/2024 bị cáo đã cho Quy (không xác định được nhân thân) vay 10.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Quy đã trả cho bị cáo H 2.000.000 đồng tiền vay gốc, còn nợ 8.000.000 đồng. Bị cáo H đã thu 400.000 đồng tiền lãi, trong đó 65.753 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 334.247 đồng.

27. Từ ngày 11/12/2023 đến ngày 15/6/2024 bị cáo đã cho Bốn Thành (chưa xác định được nhân thân lai lịch) vay 03 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 121,67%/ năm. Bốn Thành đã trả cho bị cáo H toàn bộ tiền nợ gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 986.301 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 5.013.699 đồng.

28. Từ ngày 26/12/2023 đến ngày 03/8/2024 bị cáo đã cho Thảo (chưa xác định được nhân thân) vay 06 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng cho vay không tính lãi còn lại 50.000.000 đồng cho vay với mức lãi suất 121,67%/ năm. Thảo đã trả cho bị cáo H 44.666.667 đồng tiền gốc trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc là khoản nợ không tính lãi, còn nợ lại 15.333.333 đồng. Bị

cáo H đã thu 6.933.334 đồng tiền lãi, trong đó 1.139.726 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 5.793.608 đồng. Ngoài ra đối với khoản vay lần thứ 6 tính đến ngày phát hiện là 59 ngày tương đương với số tiền 1.643.379 đồng thu lợi bất chính mà bị cáo hưởng lợi của Thảo nhưng Thảo chưa đóng số tiền này.

29. Ngày 20/8/2024 bị cáo đã cho Lê Thị T (xù 6), sinh năm 1968, (chưa xác định được nhân thân lai lịch) vay 10.000.000 đồng không tính lãi. Tài đã trả đủ tiền gốc cho bị cáo H.

30. Ngày 20/8/2024 bị cáo đã cho Khuyên trú tại tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vay 9.500.000 đồng không tính lãi. Khuyên đã trả đủ tiền gốc cho bị cáo H.

31. Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 11/7/2024 bị cáo đã cho Hòa (chưa xác định được nhân thân lai lịch) vay 06 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, trong đó 30.000.000 đồng không tính lãi, còn lại số tiền 40.000.000 đồng cho vay với mức lãi suất 121,67%/ năm. Hòa đã trả cho bị cáo H 61.100.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 8.900.000 đồng tiền gốc của khoản vay không tính lãi. Bị cáo H đã thu 8.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 1.315.069 đồng tiền lãi đúng quy định, thu lợi bất chính số tiền 6.684.931 đồng.

Vật chứng bị thu giữ gồm: 02 quyển vở ô ly ghi chép quá trình bị cáo H cho 31 người vay; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số Imei: 354275389035999 đã qua sử dụng, 01 sim số điện thoại 0979723393.

Cáo trạng số 79/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo Hoàng Thị Minh H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Phản tranh luận: Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hoàng Thị Minh H như bản cáo trạng số 79/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 12 năm 2024, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Minh H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị Minh H từ 09 đến 12 tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Lưu theo hồ sơ vụ án 02 quyển vở ô ly, trong đó quyển số 01: gồm 72 trang giấy được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 72 (số bút lục 183 - 219); quyển số 02 gồm: 27 trang giấy được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 27 (số bút lục 220 - 234) ghi chép quá trình bị cáo H cho 31 người vay.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số Imei: 354275389035999 đã qua sử dụng; Tịch thu tiêu hủy 01 sim số điện thoại 0979723393 là phương tiện công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 47K1-387.62 bị cáo sử dụng trong quá trình cho vay lãi nặng và đi thu tiền lãi của những người vay. Quá trình điều tra xác định đây là xe của ông Mai Văn H, sinh năm 1997, trú tại thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Đ (con rể của bị cáo H). Ông Hào cho bị cáo H mượn để đi lại việc bị cáo H sử dụng xe mô tô này để đi cho vay và đi thu tiền lãi của những người vay thì ông Hào không biết. Vì vậy Cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý.

- Đối với địa điểm bị cáo H sử dụng cho vay là căn nhà tại Buôn M, xã H, huyện P thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố 15, thị trấn A, huyện P cho bị cáo H thuê lại. Bà T, ông H không biết việc bị cáo H sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Minh H phải nộp số tiền 1.402.916.666 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội và 40.863.014 đồng tiền lãi tối đa theo quy định để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 207.720.320 đồng tiền lãi vượt quá mức cao nhất của Bộ luật dân sự là tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau: Trả cho Nguyễn Thị D 28.494.521 đồng; Võ Thị H 14.205.480 đồng; Lê Thị L 14.790.411 đồng; Trương Thị Thu T 3.251.941 đồng; Trương Thị Kim O (gái) 11.893.607 đồng; Nguyễn Thị L 160.160 đồng; Bùi Thị Thanh Loan (Lan quế) 5.431.507 đồng; Nguyễn Thị T (Mạnh) 4.094.521 đồng; Phạm Thị H 1.392.694 đồng; Nguyễn Thị X 5.884.132 đồng; Phan Thị Ánh M 17.116.210 đồng; Nguyễn Thị Thanh L 42.477.169 đồng; Nguyễn Thị Ánh Ng 7.353.425 đồng; Vương Thị T 4.017.922 đồng; Trần Thị P 3.342.466 đồng; Trần Thị T 2.367.580 đồng; Nguyễn Thị H 4.066.667 đồng; Trần Thị T (Hà Khải) 7.297.717 đồng; Trần Thị L 7.645.890 đồng; Đỗ Thị C 584.931 đồng.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền 239.083.333 đồng đã vay của bị cáo nhưng chưa trả để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước với số tiền cụ thể như sau: Nguyễn Thị D 19.500.000 đồng; Lê Thị L 16.500.000 đồng; Trương Thị Thu T 541.667 đồng; Trương Thị Kim O (Gái) 3.833.333 đồng; Nguyễn Thị L 1.541.667 đồng; Bùi Thị Thanh Loan (Lan quế) 7.500.000 đồng; Nguyễn Thị T (Mạnh) 5.500.000 đồng; Phạm Thị H 4.166.667 đồng; Nguyễn Thị X 4.791.667 đồng; Phan Thị Ánh M 17.583.333 đồng; Nguyễn Thị Thanh L 40.833.333 đồng; Nguyễn Thị Ánh Ng 9.000.000 đồng; Vương Thị T 6.458.333 đồng; Trần Thị T 5.833.333 đồng; Nguyễn Thị H 15.666.667 đồng; Trần Thị T 41.333.333 đồng; Trần Thị L 9.250.000 đồng;

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) gồm: Nguyễn Thị Thanh L ở thôn 1B, xã Hòa T, huyện P; Nguyễn Thị Minh P (Minh hô) ở tổ dân phố 7, thị trấn Phước An quá trình điều tra chưa làm việc được và Hòa,

Thảo, Quy, Hồng Hòa A, Hồng E, Quyên, Bốn Thành, bị can Huyền không biết địa chỉ cụ thể vì khi cho vay không giữ giấy tờ có liên quan của người vay. Kết quả xác minh, hiện những người này không có mặt tại địa phương hoặc không có thông tin như Huyền cung cấp vì vậy chưa làm việc được với những người này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tài, Quý, Khuyên (chưa xác định được lai lịch) bị cáo H cho vay không tính lãi nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì bị cáo đã ăn năn hối hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 26/11/2023 đến ngày 23/8/2024, tại căn nhà thuê lại ở Buôn M, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk Hoàng Thị Minh H đã cho 31 người vay tiền dưới hình thức trả góp. Bị cáo cho vay và theo dõi bằng cách viết tên người vay, số tiền vay, số tiền phải trả hàng ngày và số ngày trả vào một cuốn vở để theo dõi. Khi người vay trả tiền, Huyền đánh dấu “X” vào cuốn sổ ghi tên người vay để xác nhận ngày hôm đó đã trả tiền, nếu người vay chưa trả tiền thì Huyền đánh dấu “O” vào cuốn sổ. Còn khi người vay tiền không đến trả trực tiếp thì Huyền sẽ dùng điện thoại hiệu NOKIA, màu đen có sim số 0979.723.393 gọi điện thoại hẹn và đến nhà để thu tiền. Tổng số tiền bị cáo Hoàng Thị Minh H đã cho vay là 1.816.500.000 đồng. Trong đó có 174.500.000 đồng bị cáo H cho vay không tính lãi, 1.642.000.000 đồng bị cáo H cho vay với lãi suất 121,67%/năm là gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà những người vay phải trả cho bị cáo là 242.488.927 đồng. Bị cáo đã thu về 1.402.916.666 đồng tiền gốc, 40.863.014 đồng tiền lãi tối đa theo quy định và 207.720.320 đồng tiền thu lợi bất chính, còn lại số tiền 239.083.333 đồng người vay chưa trả cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố

cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ:

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh và thuần phong mỹ tục của dân tộc, xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ.

Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, bản chất lười lao động, muốn có tiền nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động chính đáng của chính mình ra nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính với số tiền lớn. Mặt khác ngày 28/12/2005, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk xử 04 tháng 25 ngày tù về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận và đang mắc bệnh hiểm nghèo (K đại tràng pT4NoMo đã PT-HT 8 chu kỳ XELOX theo giấy ra viện của Bệnh viện đa khoa vùng Tây nguyên), đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và để tạo điều kiện cho bị cáo được khám, điều trị bệnh theo hồ sơ bệnh án của Bệnh viện do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp với gia đình giám sát giáo dục đồng thời ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Pháp luật nhà nước.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại căn nhà thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H, tuy nhiên bà Trang, ông Hà không biết việc bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, do đó không xem xét xử lý đối với bà Trang, ông Hà.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền bị cáo Hoàng Thị Minh H đã cho vay là 1.816.500.000 đồng, trong đó có 174.500.000 đồng bị cáo H cho vay không tính lãi, số tiền còn lại là 1.642.000.000 đồng, bị cáo cho vay với lãi suất 121,67%/năm.

Đối với số tiền 1.642.000.000 đồng cho vay lãi thì bị cáo đã thu về 1.402.916.666 đồng, còn lại số tiền 239.083.333 đồng thì những người vay còn nợ bị cáo. Bị cáo đã thu được 248.583.334 đồng tiền lãi, trong đó 40.863.014 đồng tiền lãi đúng mức quy định và 207.720.320 đồng tiền lãi vượt quá mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy phân trách nhiệm dân sự được xử lý như sau:

Đối với số tiền 1.402.916.666 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội tuy nhiên quá trình điều tra chưa thu giữ, do đó cần buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 40.863.014 đồng tiền lãi đúng mức quy định trong Bộ luật dân sự mà bị cáo có được là do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 207.720.320 đồng là tổng số tiền lãi thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, do đó căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, HĐXX cần buộc bị cáo Hoàng Thị Minh H phải trả lại, cụ thể như sau: Trả cho Nguyễn Thị D 28.494.521 đồng; Võ Thị H 14.205.480 đồng; Lê Thị L 14.790.411 đồng; Trương Thị Thu T 3.251.941 đồng; Trương Thị Kim O (gái) 11.893.607 đồng; Nguyễn Thị L 160.160 đồng; Bùi Thị Thanh Loan (Lan quế) 5.431.507 đồng; Nguyễn Thị T (Mạnh) 4.094.521 đồng; Phạm Thị H 1.392.694 đồng; Nguyễn Thị X 5.884.132 đồng; Phan Thị Ánh M 17.116.210 đồng; Nguyễn Thị Thanh L 42.477.169 đồng; Nguyễn Thị Ánh Ng 7.353.425 đồng; Vương Thị T 4.017.922 đồng; Trần Thị P 3.342.466 đồng; Trần Thị T 2.367.580 đồng; Nguyễn Thị H 4.066.667 đồng; Trần Thị T (Hà Khải) 7.297.717 đồng; Trần Thị L 7.645.890 đồng; Đỗ Thị C 584.931 đồng.

Đối với số tiền 239.083.333 đồng mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn nợ chưa trả cho bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo, do đó cần buộc những người này phải nộp lại để tịch thu sung ngân sách nhà nước với số tiền cụ thể như sau: Nguyễn Thị D 19.500.000 đồng; Lê Thị L 16.500.000 đồng; Trương Thị Thu T 541.667 đồng; Trương Thị Kim O (Gái) 3.833.333 đồng; Nguyễn Thị L 1.541.667 đồng; Bùi Thị Thanh Loan (Lan quế) 7.500.000 đồng; Nguyễn Thị T (Mạnh) 5.500.000 đồng; Phạm Thị H 4.166.667 đồng; Nguyễn Thị X 4.791.667 đồng; Phan Thị Ánh M 17.583.333 đồng; Nguyễn Thị Thanh L 40.833.333 đồng; Nguyễn Thị Ánh Ng 9.000.000 đồng; Vương Thị T 6.458.333 đồng; Trần Thị T 5.833.333 đồng; Nguyễn Thị H 15.666.667 đồng; Trần Thị T 41.333.333 đồng; Trần Thị L 9.250.000 đồng;

Đối với số tiền 174.500.000 đồng bị cáo H cho vay không tính lãi là giao dịch dân sự không trái quy định của pháp luật, do đó HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với khoản vay của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Minh P (Minh hồ), Hòa, Thảo, Quy, Hồng Hòa A, Hồng E, Quyên, Bốn Thành thì Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tài, Quý, Khuyên chưa xác minh được nhân thân lai lịch, tuy nhiên bị cáo cho vay không tính lãi nên không đề cập xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 02 quyển vở ô ly ghi chép quá trình bị cáo cho 31 người vay là chứng cứ trong vụ án, do đó cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số Imei: 354275389035999 đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 sim số điện thoại 0979723393 là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 47K1-387.62 bị cáo sử dụng trong quá trình cho vay lãi nặng và đi thu tiền lãi của những người vay thuộc quyền sở hữu của anh Mai Văn H, anh Hào không biết bị cáo sử dụng xe mô tô để sử dụng vào mục đích phạm tội do đó HĐXX không xem xét, xử lý.

- Đối với căn nhà bị cáo thuê của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H là địa điểm phạm tội. Tuy nhiên bà Trang, ông Hà không biết việc bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên HĐXX không xem xét xử lý.

[7] Bị cáo là người bị kết án do đó căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Buộc bị cáo Hoàng Thị Minh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đối với bị cáo Hoàng Thị Minh H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội danh. Về nội dung đề xuất mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị Minh H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Minh H 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Hoàng Thị Minh H phải nộp 1.443.779.680 đồng là số tiền đã dùng vào việc phạm tội và tiền lãi hợp pháp mà bị cáo có được từ hành vi phạm tội để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Hoàng Thị Minh H phải trả cho Nguyễn Thị D 28.494.521 đồng; Võ Thị H 14.205.480 đồng; Lê Thị L 14.790.411 đồng; Trương Thị Thu T 3.251.941 đồng; Trương Thị Kim O (gái) 11.893.607 đồng; Nguyễn Thị L 160.160 đồng; Bùi Thị Thanh Loan (Lan quê) 5.431.507 đồng; Nguyễn Thị T (Mạnh) 4.094.521 đồng; Phạm Thị H 1.392.694 đồng; Nguyễn Thị X 5.884.132 đồng; Phan Thị Ánh M 17.116.210 đồng; Nguyễn Thị Thanh L 42.477.169 đồng; Nguyễn Thị Ánh Ng 7.353.425 đồng; Vương Thị T 4.017.922 đồng; Trần Thị P 3.342.466 đồng; Trần Thị T 2.367.580 đồng; Nguyễn Thị H 4.066.667 đồng; Trần Thị T (Hà Khải) 7.297.717 đồng; Trần Thị L 7.645.890 đồng; Đỗ Thị C 584.931 đồng.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền gốc đã vay của bị cáo Hoàng Thị Minh H nhưng chưa trả để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Nguyễn Thị D 19.500.000 đồng; Lê Thị L 16.500.000 đồng; Trương Thị Thu T 541.667 đồng; Trương Thị Kim O (Gái) 3.833.333 đồng; Nguyễn Thị L 1.541.667 đồng; Bùi Thị Thanh Loan (Lan quê) 7.500.000 đồng; Nguyễn Thị T (Mạnh) 5.500.000 đồng; Phạm Thị H 4.166.667 đồng; Nguyễn Thị X 4.791.667 đồng; Phan Thị Ánh M 17.583.333 đồng; Nguyễn Thị Thanh L 40.833.333 đồng;

Nguyễn Thị Ánh Ng 9.000.000 đồng; Vương Thị T 6.458.333 đồng; Trần Thị T 5.833.333 đồng; Nguyễn Thị H 15.666.667 đồng; Trần Thị T 41.333.333 đồng; Trần Thị L 9.250.000 đồng;

- Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định đối với khoản vay của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Minh P (Minh hô), Hòa, Thảo, Quy, Hồng Hòa A, Hồng E, Quyên, Bốn Thành.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Lưu theo hồ sơ vụ án 02 quyển vở ô ly ghi chép quá trình bị cáo cho 31 người vay. (Quyển số 01 gồm 72 trang giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 72; quyển số 02 gồm 27 trang giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 27)

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số Imei: 354275389035999 đã qua sử dụng (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc)

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim số điện thoại 0979723393 (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc)

[5] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị Minh H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Cơ quan thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

công an huyện Krông Pắc (để thi hành);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

Trương Quang Vinh